BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

TP. Hồ Chí Minh, tháng 8/2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(*Ban hành theo Quyết định số 407/QĐ-ĐNT ngày 23/12/2019 của Hiệu trưởng trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh*)

Tên chương trình	:	QUAN HỆ QUỐC TẾ
Trình độ đào tạo	:	ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo	:	QUAN HỆ QUỐC TẾ
Mã ngành	:	
Loại hình đào tạo	:	CHÍNH QUY

TP. Hồ Chí Minh, ngày .... tháng .... năm ....
DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

TP. Hồ Chí Minh, ngày .... tháng .... năm ....
PHỤ TRÁCH KHOA

Vũ Quốc Anh

I. Mô tả chương trình đào tạo

I.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Ngành nghề Quan hệ Quốc tế được đánh giá là "không lỗi thời" do các vấn đề xã hội, chính trị, đối ngoại, quan hệ công đồng, quan hệ báo chí, phát triển tổ chức nội bộ, truyền thông v.v… luôn luôn tồn tại trong xã hội. Do đó, nhu cầu tuyển dụng luôn cao ở Việt Nam. Nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng cao và năng động, Khoa Quan hệ Quốc tế xây dựng nên môn môi trường học tập có tính ứng dụng cao, xây dựng các dự án thực tế, liên kết doanh nghiệp, nhiều môn chuyên ngành được đào tạo, báo cáo đề tài, thi cử bằng Tiếng Anh. Điều này giúp sinh viên tự tin từ chuyên môn đến ứng dụng Tiếng Anh tốt trong công việc tương lai.

I.2. Thông tin chung :

1.	Ngành:	Quan hệ Quốc tế
2.	Chuyên ngành	- Ngoại giao - Quan hệ Công chúng – Truyền thông
3.	Bậc	Đại học
4.	Loại bằng	Cử nhân
5.	Loại hình đào tạo	Toàn thời gian
6.	Thời gian đào tạo	4 năm
7.	Số tín chỉ	TC Không bao gồm các môn: - Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng - Hoạt động thực tế và quan hệ cộng đồng
8.	Khoa quản lý	Khoa Quan hệ Quốc tế
9.	Ngôn ngữ giảng dạy:	Giảng dạy các môn chuyên ngành bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt

I.3. Sứ mạng - Tầm nhìn của HUFLIT

Sứ mạng

HUFLIT đào tạo những người ham học hỏi trở thành các công dân đáp ứng được những đòi hỏi không ngừng của thị trường lao động, có trách nhiệm với xã hội, có ý thức phát triển bản thân, có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, đặc biệt là ngoại ngữ và tin học, thông qua các trải nghiệm thực tế.

Tầm nhìn

HUFLIT phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học tốp đầu trong nước về đào tạo ngành nghề sử dụng ngoại ngữ và tin học làm công cụ chiến lược để nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

I.4 Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa (nếu có)

I.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

I.5.1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu của ngành Quan hệ quốc tế là đào tạo ra những cử nhân có sự am hiểu, khả năng phân tích và ứng dụng vào thực tế các kiến thức về quan hệ quốc tế, đối ngoại, quan hệ công chúng, cũng như có kiến thức và vận dụng luật pháp và văn hóa Việt Nam và các nước khác trên thế giới, sử dụng thành thạo tiếng Anh và sử dụng được công cụ vi tính, đồ họa. Chương trình còn trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành mà người làm công tác đối ngoại cần có để làm việc hiệu quả trong nhiều môi trường khác nhau.

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quan hệ quốc tế đào tạo các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh theo hai chuyên ngành: Ngoại giao và Quan hệ công chúng-truyền thông.

I.5.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình giảng dạy được thiết kế để đào tạo sinh viên Quan hệ Quốc tế; sau 4 năm tốt nghiệp, những cử nhân này có khả năng:

Kiến thức

PO1: Trở thành một chuyên gia trong các lĩnh vực chức năng khác nhau của tổ chức và thích nghi với nhiều lĩnh vực ngoại giao, đối ngoại, truyền thông, quan hệ công chúng, phát triển tổ chức, nhân sự v.v… khác nhau (PO1).

PO2: Có khả năng đảm nhận các vị trí trưởng/phó phòng/quản lý chức năng trong tổ chức, giám đốc của các doanh nghiệp nhỏ, ngân hàng, bệnh viện, tòa soạn v.v… (PO2).

PO3: Có khả năng trở thành một nhà khởi nghiệp, chủ sở hữu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (PO3).

I.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PLO1: Có khả năng nhận biết, đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong quan hệ quốc tế hiện nay cũng như các vấn đề về chính trị, an ninh, văn hóa và truyền thông trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam;

PLO2: Có khả năng vận dụng các kiến thức về lý luận chính trị, lý luận về quan hệ quốc tế để dự đoán và định vị các vấn đề, các hiện tượng mới xuất hiện;

PLO3: Có khả năng khái quát các kết quả nghiên cứu thành các vấn đề lý luận để bổ sung vào lý thuyết quan hệ quốc tế;

PLO4: Sinh viên vận dụng, giải quyết hiệu quả các kiến thức về quan hệ công chúng, truyền thông, truyền thông số vào công việc thực tế. Tổ chức các dự án sự kiện, truyền thông QHCC, công tác xã hội, hội thảo, hội nghị tiếp cận doanh nghiệp/tổ chức, khai thác thông tin, chuyển giao dự án cho doanh nghiệp/tổ chức. Sinh viên có khả năng tập hợp, quản lý các thành viên khác tổ chức các hoạt động cộng đồng, xã hội.

PLO5: Sinh viên nắm vững và có khả năng vận dụng những kiến thức về luật quốc tế, luật lao động, luật sở hữu trí tuệ vào thực tiễn công việc.
PLO6: Có khả năng sản xuất các sản phẩm truyền thông, lên kế hoạch ý tưởng và thực hiện các dự án tiếp thị truyền thông tích hợp đa phương tiện và truyền thông mạng xã hội.
PLO7: Có khả năng xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp.
PLO8: Sinh viên sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành trong công việc, biết khai thác thông tin, thảo luận, tranh luận, thuyết trình, viết báo cáo, soạn thảo thư tín và cập nhật kiến thức tiếng Anh để phục vụ công việc.
PLO9: Tạo lập dự án khởi nghiệp

Mối liên hệ giữa mục tiêu đào tao và chuẩn đầu ra của CTĐT:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	PLO 1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
PO1	X	X	X	X	X	X	X	X	
PO2		X		X	X	X	X	X	X
PO3		X		X	X	X	X	X	X

I.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành này có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau trong cơ quan, ban ngành, công ty như: Các cơ quan ngoại giao, ủy ban nhân dân các cấp, báo chí, các tổ chức phi chính phủ, bộ phận đối ngoại, quan hệ công chúng, truyền thông, tổ chức sự kiện, quảng bá thương hiệu, , biên tập viên. Ngoài ra, sinh viên còn có cơ hội tốt khi làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, quản lý báo chí và truyền thông.
Sinh viên tốt nghiệp ngành Quan hệ quốc tế cũng có thể tiếp tục học trong và ngoài nước để nhận học vị cao hơn.

I.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

I.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

Chương trình đào tạo của Ngành Quan hệ Quốc tế (chuyên ngành ngoại giao và chuyên ngành quan hệ công chúng- truyền thông) chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông;

2. Đăng ký thi quốc gia khối A (Toán, Lý, Hóa) hoặc A1 (Toán, Lý, Anh văn) hoặc D (Toán, Văn, Anh văn)

3. Có điểm thi quốc gia cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh và ngành Quan hệ Quốc tế.

I.8.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân để có thể tốt nghiệp trong vòng 3 đến 6 năm. Mỗi năm học bao gồm hai học kỳ chính (đầu tháng 9 đến cuối tháng 6) và học kỳ mùa hè (đầu tháng 7 đến giữa tháng 8). Trong 1,5 năm đầu tiên, sinh viên sẽ học các khóa học khối kiến thức chung và các khóa học khối kiến thức ngành; các khóa học khối kiến thức quan hệ quốc tế, Chuyên ngành Ngoại giao và Chuyên ngành Quan hệ Công chúng- truyền thông được dạy trong 2,5 năm tiếp theo; và sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp, viết luận văn tốt nghiệp trong học năm cuối.

I.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên bắt buộc hoàn tất các yêu cầu sau để có đủ điều kiện được xét tốt nghiệp:

I.8.3.1. Hoàn tất đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

-Chuyên ngành Ngoại giao: 140tín chỉ
-Chuyên ngành Quan hệ công chúng- Truyền thông: 140 tín chỉ

I.8.3.2. Hoàn tất các môn học điều kiện bắt buộc:

- Giáo dục quốc phòng: 165 tiết
- Giáo dục thể chất: 150 tiết

I.8.3.3. Hoàn tất các Hoạt động quan hệ cộng đồng:

- Sinh viên tự tổ chức 04 hoạt động thực tế/ sự kiện
- Sinh viên tham gia 04 hoạt động, chuong trình do người khác, đơn vị, công ty v.v… tổ chức.
- Sinn viên tham dự 08 hội thảo

(Đề nghị sinh viên đọc và nghiên cứu kỹ để thực hiện đúng "*Hướng dẫn v/v thực hiện Hoạt động quan hệ cộng đồ*ng" trong phần phụ lục của khoa Quan hệ quốc tế)

I.8.3.4. Hoàn tất thực tập thực tế:

Cuối năm 4, sinh viên bắt buộc đi thực tập tại các tổ chức, công ty toàn thời gian trong 3 tháng (12 tuần).

I.8.3.5. Đạt chuẩn ngoại ngữ (tiếng Anh):

Nộp chứng chỉ quốc tế: TOEIC 550, hoặc TOEFL 500 BPT/173 CBT/61 iBT, hoặc IELTS 5.5.

I.8.3.6. Đạt chuẩn tin học:

Chứng chỉ tin học MOS.

I.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Chương trình này được triển khai giảng dạy theo phương pháp dạy học tích cực, với việc sử dụng đa dạng chiến lược dạy và học như Chiến lược kỹ năng tư duy (Thinking Skills Strategies), Chiến lược dựa trên hoạt động (Activity-Based Strategies), Chiến lược hợp tác (Cooperative Strategies) và Chiến lược học tập độc lập – tự học (Independent Learning Strategies). Nhiều môn học sử dụng các kĩ thuật của Chiến lược kỹ năng tư duy (Thinking Skills Strategies) như Tập lích não (Brainstorming) để thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo, đặc biệt là phát triển ý tưởng sáng tạo trong ra quyết định, trong các giải pháp kinh doanh và khởi nghiệp. Phương pháp Nghiên cứu tình huống (Case Study) cũng được sử dụng mạnh mẽ, với đa dạng các tình huống (Cases). Chương trình đào tạo Quan hệ Quốc tế cũng sử dụng mạnh mẽ hình thức Tham luận (Guest Speaker), với khách mời là các doanh nhân, nhà quản trị, là cựu sinh viên. Để hỗ trợ người học đạt được các năng lực này, Chương trình đào tạo sử dụng thường xuyên phương pháp Thuyết trình miệng (Oral Presentation) và Tranh luận (Debates), nhằm tăng cường các kỹ năng cho sinh viên như giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Sinh viên của chương trình còn được tham gia đa dạng vào các hoạt động Đi thực tế (Field Trip), tới nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau để tìm hiểu nhiều nội dung đa dạng liên quan đến nội dung môn học. Các phương pháp như Thảo luận (Discussion) và Làm việc nhóm (Peer Practice) cũng được sử dụng xuyên suốt trong nhiều môn học từ năm 1 tới năm cuối, nhằm thúc đẩy sinh viên tương tác với nhau, và sau đó đưa vào áp dụng trong công việc thực tế. Đặc biệt, để thúc đẩy tinh thần kinh doanh và khởi nghiệp.

I.10. Phương pháp đánh giá

Với mỗi môn học, người học được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua các hình thức như đánh giá bài tập, bài trắc nghiệm, đánh giá thông qua báo cáo cá nhân, thông qua làm việc và báo cáo bài tập nhóm. Kết quả cuối kì cũng được đánh giá với đa dạng hình thức như thi vấn đáp, báo cáo kết quả dự án nhóm. Để bảo đảm tính công bằng, tin cậy, Chương trình đào tạo hướng tới xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi và đáp án, hướng tới chuẩn hóa các phiếu đánh giá. Toàn bộ việc đánh giá được công bố cho sinh viên vào đầu học kì. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ theo quy định chung của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

I.11. Hệ thống tính điểm

Hệ thống tính điểm được tính là thang điểm 10/10. Cụ thể như sau:

- Điểm giữa môn: 40%
- Điểm cuối môn: 60%

II. Mô tả chương trình đào tạo

II. 1. Cấu trúc chương trình:

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Ghi chú
		Bắt buộc	Tự chọn	Tổng cộng	
1	**Giáo dục đại cương**	46	6	52	

2	**Giáo dục chuyên nghiệp**	Cơ sở ngành	16	6	22	
		Chuyên ngành Ngoại giao	18	9	37	
		Chuyên ngành Quan hệ công chúng và truyền thông	33	8	41	
		Kiến thức bổ trợ				
		Chuyên ngành Ngoại giao	10	10	20	
		Chuyên ngành Quan hệ công chúng và truyền thông	2	12	16	
		Tốt nghiệp	6	6	6	
		Hoạt động thực tế- Quan hệ cộng đồng	0	0	0	
		Thực tập thực tế	3	0	3	

II.2. Danh sách các học phần

II.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

II.2.1.1. Lý luận chính trị

Số TT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**TC**	**Lý thuyết (tiết)**	**Thảo luận, thực hành**	**Tổng số tiết**
1	1010443	Triết học Mác – Lênin	3	45		45
2	1010452	Kinh tế - chính trị Mác – Lênin	2	30		30
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		30
4	1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30		30
5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
Tổng cộng:			**11**	**165**		**165**

II.2.1.2. Ngoại ngữ (29Tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	HP Tiên quyết	Học phần trước
1	1010212	Nghe Tiếng Anh 1 (English Listening 1)	2		
2	1010222	Nói tiếng Anh 1 (English Speaking 1)	2		
3	1010232	Đọc Tiếng Anh 1 (English Reading 1)	2		
4	1010242	Viết tiếng Anh 1 (English Writing 1)	2		
5	1010252	Nghe Tiếng Anh 2 (English Listening 2)	2		
6	1010262	Nói tiếng Anh 2 (English Speaking 2)	2		
7		Đọc Tiếng Anh 2 (English Reading 2)	2		
8	1010282	Viết tiếng Anh 2 (English Writing 2)	2		
9		Kỹ năng nói trước công chúng (Public Speaking)	3		
10	1710143	Kỹ năng tranh luận Tiếng Anh (English debating skills)	3		
11	1710223	Kỹ năng tiếng Anh văn phòng (English office skills)	3		
12		Kỹ năng Đọc – Viết tiếng Anh cao cấp (Advanced English Reading-Writing Skills)	4		
Tổng cộng:			**29**		

II.2.1.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Ghi chú
1	1010042	Giáo dục thể chất 1	2	75	Không tính vào điểm tích lũy
2	1010182	Giáo dục thể chất 2	3	90	
3		Giáo dục quốc phòng- An ninh	3	165	
Tổng cộng:			**8**		

II.2.1.4.Kinh tế - xã hội (6 Tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	1010052	Đại cương pháp luật Việt Nam	2	30	BB			
2	1720212	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	BB			
3	1010072	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	30	BB			
		Tổng cộng	**6**					

II.2.1.5. Tin học (6 Tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	1722153	Tin học đại cương General Informatics	3	45	BB			
2		Thiết kế đồ họa và xử lý ảnh Photoshop	3	45	BB			
Tổng cộng:			**6**					

II.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

II.2.2.1 Kiến thức cơ sở ngành (22Tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần		TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng Tiếng Anh
1	1721072	Lịch sử Quan hệ quốc tế History of Internantional Relations		3	45	BB			
2	1710202	Nhập môn ngành Quan hệ Quốc tế Introduction to International Relations		2	30	BB			
3	1421103	Quản trị nguồn nhân lực Human resource management		3	45	BB			X
4	1720083	Lịch sử văn minh thế giới History Of World Civilizations		3	45	BB			X
5	1722103	Phương pháp NCKH Research Methodology		3	45	BB			X
6	1010392	Luật lao động Labour Law		2	30	BB			
7	**Tự chọn: Chọn ít nhất 4 TC**								
	1010342	Quản trị học Management		2	30	TC			X
		Xã hội đại cương General of Sociology		2	30	TC			
	1010112	Tâm lý học đại cương General Psychology		2	30	TC			
8	**Tự chọn: Chọn ít nhất 02TC**								
		Tâm lý truyền thông Public Psychology		2	30	TC			

		Soạn thảo văn bản thương mại Business Correspondence		2	30	TC			
		Soạn thảo Hợp đồng thương mại		2	30	TC			
	Tổng cộng:			**22**					

II.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành

II.2.2.2.1. Kiến thức chuyên ngành Ngoại giao (37TC)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
Chuyên ngành Ngoại giao								
1		Chính trị Quốc tế hiện đại Contemporary International Politics	2	30	BB			X
2		Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ The US foreign policy	3	45	BB			X
3		Chính sách đối ngoại Trung Quốc Chinese Foreign Policy	3	45	BB			
4	1721032	Công pháp quốc tế International Law	2	30	BB			
5		Toàn cầu hóa Globalization	2	30	BB			X
6	1721182	Các vấn đề toàn cầu trong QHQT hiện đại Global issues in contemporary International Relations	2	30	BB			
7		Chính sách đối ngoại Việt Nam hiện đại Contemporary Vietnam Foreign Policy	3	45	BB			

8	1730053	Lý thuyết quan hệ quốc tế International Relations Theory	3	45	BB			X
9		Chính trị học Politics	2	30	BB			X
10		Quan hệ công chúng đối ngoại External public relations	3	45	BB			X
11		Phát triển tổ chức và quan hệ cộng đồng Organizational Development And Community Relations	3	45	BB			
13	**Tự chọn: chọn ít nhất 2 TC**							
		Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương International Relations of the Asia - Pacific	2	30	TC			X
		Quan hệ các nước trong khu vực ASEAN và Việt Nam ASEAN – Vietnam Relations	2	30	TC			X
14	**Tự chọn: Chọn ít nhất 2 tín chỉ**							
		Chính trị học so sánh Comparative politics	2	30	TC			X
	1721262	Địa chính trị Geopolitics	2	30	TC			X
15	**Tự chọn: Chọn ít nhất 2 tín chỉ**							
		An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế Security and conflicts in international relation	2	30	TC			X
		An ninh con người Human Security	2	30	TC			
16	**Tự chọn: Chọn ít nhất 3 tín chỉ**							
		Việt Nam và các vấn đề hội	3	45				

		nhập quốc tế VietNam and International integration issues						
		Chính sách đối ngoại của liên minh châu Âu EU Foreign Policy	3	45				
	Tổng cộng		**37**					

II.2.2.2.2. Chuyên ngành Quan hệ công chúng và Truyền thông (41TC)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1		Quan hệ công chúng đối ngoại Exteral Public Relations	3	45	BB			x
2		Truyền thông tích hợp đa phương tiện (IMC) Integrated Multimedia Communication	3	45	BB			x
3	1722062	Quản trị sự kiện Event Management	3	45	BB			x
4		Xây dựng và phát triển thương hiệu Brand management	3	45	BB			x
5		Phát triển tổ chức và quan hệ cộng đồng Organizational Development And Community Relations	3	45	BB			x
6		Quảng cáo Advertising	3	45	BB			x
7		Xây dựng kế hoạch truyền	3	45	BB			x

		thông xã hội Social Media Plan						
8		Xử lý khủng hoảng và quản trị xung đột Crisis Management	3	45	BB			x
9		Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông Communication Production Process	3	45	BB			x
10	1722182	Truyền thông trực tuyến Digital communication	3	45	BB			X
11		Truyền thông – tiếp thị thương mại Trade Marcom	3	45	BB			X
12		Kỹ năng viết và biên tập bài báo Writing and Editing articles	2	30	BB			
13	**Tự chọn: 2TC, chọn 1 trong 2**							
	1720092	Luật sở hữu trí tuệ Intellectual Property Law	2	30	TC			
		Luật truyền thông	2	30	TC			
14	**Tự chọn: Chọn ít nhất 4TC**							
		Soạn thảo văn bản Quan hệ công chúng	2	30	TC			
		Quan hệ báo chí Media Relations	2	30	TC			
	1722053	Quản trị dự án PR PR Project Management	2	30	TC			X
15	**Tự chọn: Chọn ít nhất 2 TC**							
	1730032	Kỹ năng viết kịch bản truyền	2	30	TC			

		hình						
		Quản lý khách hàng	2	30	TC			
Tổng cộng:			**41**					

II.2.2.3. Kiến thức bổ trợ:

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
II.2.2.3.1. Chuyên ngành Ngoại giao (20TC)								
1	1722062	Quản trị sự kiện Event Management	3	45	BB			X
2	1722032	Phát ngôn viên tổ chức Spokesman Skills	2	30	BB			
3		Xử lý khủng hoảng và Quản trị xung đột Crisis and conflicts management	3	45	BB			X
4		Kỹ năng viết và biên tập bài báo	2	30	BB			
5	**Tự chọn: Chọn ít nhất 2TC**							
		Hội nhập – xung đột văn hóa Integration and Cultural Conflict	2	30	TC			X
		Kỹ năng làm việc đội nhóm	2	30	TC			X
6	**Tự chọn: Chọn ít nhất 5TC**							
	1722203	Tiếp thị căn bản The Principles of Marketing	3	45	TC			X
	1722212	Đàm phán quốc tế International Negotiation	2	30	TC			X
	1722342	Văn hóa giao tiếp Communication Cuture	2	30	TC			
8	**Tự chọn: Chọn ít nhất 3TC**							

		Quản trị khởi nghiệp Business Incubation Management Skills	3	45	TC			X
		Truyền thông quốc tế International Communication	3	45	TC			X
Tổng cộng			**20**					
II.2.2.3.2. Chuyên ngành Quan hệ công chúng- Truyền thông (16 TC)								
9	1722032	Phát ngôn viên tổ chức Spokesperson Skills	2	30	BB			
10		**Tự chọn: Chọn ít nhất 5TC**						
	1722203	Tiếp thị căn bản The Basic Marketing	3	45	TC			x
	1722342	Văn hóa giao tiếp	2	30	TC			
	1722212	Đàm phán quốc tế International Negotiation	2	30	TC			x
11		**Tự chọn: chọn ít nhất 5TC**						
		Quản trị khởi nghiệp Business Incubation Management Skills	3	45	TC			X
		Thể hiện ý tưởng (copywritter) Copywriting Skills	2	30	TC			
		Kỹ năng làm việc đội nhóm Team building	2	30	TC			X
12		**Tự chọn: Chọn ít nhất 2TC**						
	1722272	Quan hệ lao động Labour Relations	2	30	TC			X
	1722372	Kỹ năng xin tài trợ Sponsorship Skills	2	30	TC			X
13	**Tự chọn: Chọn ít nhất 2TC**							

		Quản lý khách hàng	2	30	TC			
	1730032	Kỹ năng viết kịch bản truyền hình	2	30	TC			
Tổng cộng:			**16**					

II.2.2.4. Kiến thức tốt nghiệp: 6TC

Sinh viên chọn ít nhất 6TC:

1	**Chuyên ngành Ngoại giao**							
	1720046	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Paper	6	90	TC			x
	Hoặc							
	1722393	Nghiên cứu thị trường Marketing research	3	45	TC			x
	1722403	Lễ tân ngoại giao Diplomatic Protocol	3	45	TC			
2	**Chuyên ngành Quan hệ công chúng – Truyền thông**							
	1720046	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Paper	6	90	TC			x
Hoặc								
	1722393	Nghiên cứu thị trường Marketing research	3	45	TC			x
		Khánh tiết lễ tân Protocol and Etiquette	3	45	TC			

II.2.2.5. Hoạt động thực tế - Quan hệ cộng đồng: 0 TC (Bắt buộc)

II.2.2.6. Thực tập thực tế: 03 TC (Bắt buộc)

II.2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

Ghi chú:

H: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là "Cao"

M: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là "Trung bình"

L: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là "Thấp"

Bỏ trống hoặc "-": Học phần không đáp ứng cho CĐR của CTĐT

STT	Mã môn	Tên học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra								
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Học phần đại cương											
	1010212	Nghe tiếng Anh 1	-	-	-	-	-	-	-	H	-
	1010222	Nói Tiếng Anh 1	-	-	-	-	-	-	-	H	-
	1010232	Đọc tiếng Anh 1	-	-	-	-	-	-	-	H	-
	1010242	Viết tiếng Anh 1	-	-	-	-	-	-	-	H	-
		Nghe tiếng Anh 2	-	-	-	-	-	-	-	H	-
	1010262	Nói Tiếng Anh 2	-	-	-	-	-	-	-	H	-
	1010272	Đọc tiếng Anh 2	-	-	-	-	-	-	-	H	-
	1010282	Viết tiếng Anh 2	-	-	-	L	-	-	L	H	L
		Kỹ năng nói trước công chúng	-	-	-	L	-	-	L	H	M
	1710223	Kỹ năng tiếng Anh văn phòng	-	-	-	L	-	-	L	H	M
		Đại cương PL	-	-	-	-	L	-	-		L
		Cơ sở văn hóa Việt Nam	-	-	-	-	M	M	H		L
	1010072	Thực hành văn bản Tiếng Việt	-	-	-	-	H	H	M		L
	1722103	Phương pháp NCKH	M	M	M	M	H	H	M	M	M
		Xã hội đại cương	-	-	-	-	H	H	H		-

	1010342	Quản trị học	-	-	-	-	H	H	H		H
	1010392	Luật lao động	-	-	-	-	L	-	M		H
	1720092	Luật sở hữu trí tuệ	-	-	-	-	H	H	-	-	H
Học phần cơ sở ngành-											
	1710202	Nhập môn ngành Quan hệ Quốc tế	L	L	L	L	L	-	-	-	-
		Tiếp thị CB	-	-	-	-	H	M	L	-	H
		Lịch sử QHQT	H	M	M	M	-	-	-	-	-
		Quan hệ công chúng đối ngoại	L	-	-	-	H	H	H	-	H
	1421103	Quản trị nguồn nhân lực	-	-	-	-	H	L	H	-	H
		Lý thuyết QHQT	H	H	H	H	-	-	-	-	-
	1720083	Lịch sử văn minh thế giới	M	L	L	M	M	L	-	-	-
		Chính trị học nhập môn	H	H	H	H	L	-	-	-	-
Kiến thức chuyên ngành Ngoại giao											
		Chính trị Quốc tế hiện đại	H	H	H	H	-	-	-	-	-
		Chính sách đối ngoại Trung Quốc	H	H	H	H	-	-	-	-	
	1721032	Công pháp quốc tế	M	M	M	M	-	-	-	-	-
		Toàn cầu hóa	H	H	H	H	L	-	-	-	-
	1721182	Các vấn đề toàn cầu	H	H	H	H	-	-	-	-	-

		trong QHQT hiện đại									
		Chính sách đối ngoại Việt Nam hiện đại	H	H	H	H	L	-	-	-	-
		Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	H	H	H	H	-	-	-	-	-
		Quan hệ các nước ASEAN và Việt Nam	H	H	H	H	L	-	-	-	-
		An ninh xung đột quốc tế	H	H	H	H	-	-	-	-	-
		An ninh con người	H	H	H	H	-	-	-	-	-
		Truyền thông quốc tế	L	M	L	L	L	-	-	-	-
		Chính trị học nhập môn	H	H	H	H	-	-	-	-	-
	1721262	Địa chính trị	H	M	H	H	-	-	-	-	-
Kiến thức bổ trợ ngành Ngoại giao											
		Quản trị khởi nghiệp	-	-	-	-	H	L	-	-	H
		Kỹ năng viết và biên tập bài báo	-	-	-	-	H	H	H	-	L
		Hội nhập xung đột văn hóa	M	M	M	M	L	-	L	-	
	1722212	Đàm phán quốc tế	-	L	L	L	H	-	H	-	-

	1722342	Văn hóa giao tiếp	-	L	-	-	H	-	H	-	M
	1722032	Phát ngôn viên tổ chức	-	-	-	-	H	-	H	-	M
	1722062	Quản trị sự kiện	-	-	-	-	H	M	H	-	M
Kiến thức chuyên ngành Quan hệ Công chúng –Truyền Thông											
		Quan hệ báo chí	-	-	-	-	H	L	L	-	M
	1722203	Tiếp thị căn bản	-	-	-	-	H	M	M	L	M
	1722272	Quan hệ lao động	-	-	-	-	H	-	H	L	L
		Toàn cầu hóa	H	H	H	H	L	-	-	-	-
		Kịch năng viết kịch bản truyền hình	-	-	-	-	H	H	M	-	L
		Soạn thảo văn bản quan hệ công chúng	-	-	-	-	H	M	H	M	M
		Truyền thông tích hợp đa phương tiện	-	-	-	-	H	H	M	L	M
	1722062	Quản trị sự kiện	-	-	-		H	M	H	L	M
		Quan hệ công chúng đối ngoại	-	-	-	-	H	H	H	M	H
		Phát triển tổ chức và quan hệ cộng đồng	-	-	-	-	H	M	H	L	M
		Quảng cáo	-	-	-	-	H	H	M	M	H
		Xây dựng kế hoạch và truyền thông	-	-	-	-	H	H	H	M	H

		Xử lý khủng hoảng và quản trị xung đột	-	-	-	-	H	M	H	M	H
		Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông	-	-	-	-	H	H	M	M	H
Kiến thức bổ trợ chuyên ngành Quan hệ Công chúng – Truyền thông											
		Khởi sự doanh nghiệp	-	-	-	-	H	-	L	L	H
		Kỹ năng viết kịch bản truyền hình	-	-	-	-	H	H	H	-	H
		Kỹ năng viết báo và biên tập bài báo	-	-	-	-	H	H	H	-	L
		Đàm phán quốc tế	-	-	-	-	H	-	H	L	M
Kiến thức tốt nghiệp											
	1722393	Nghiên cứu thị trường	-	-	-	-	H	L	M	L	H
	1722403	Lễ tân ngoại giao (Chuyên ngành CTNG)	L	L	L	L	H	-	H	-	M
		Khánh tiết lễ tân (chuyên ngành Quan hệ công chúng)	L	L	L	L	H	-	H	-	M

II.2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):

Chuyên ngành Ngoại giao

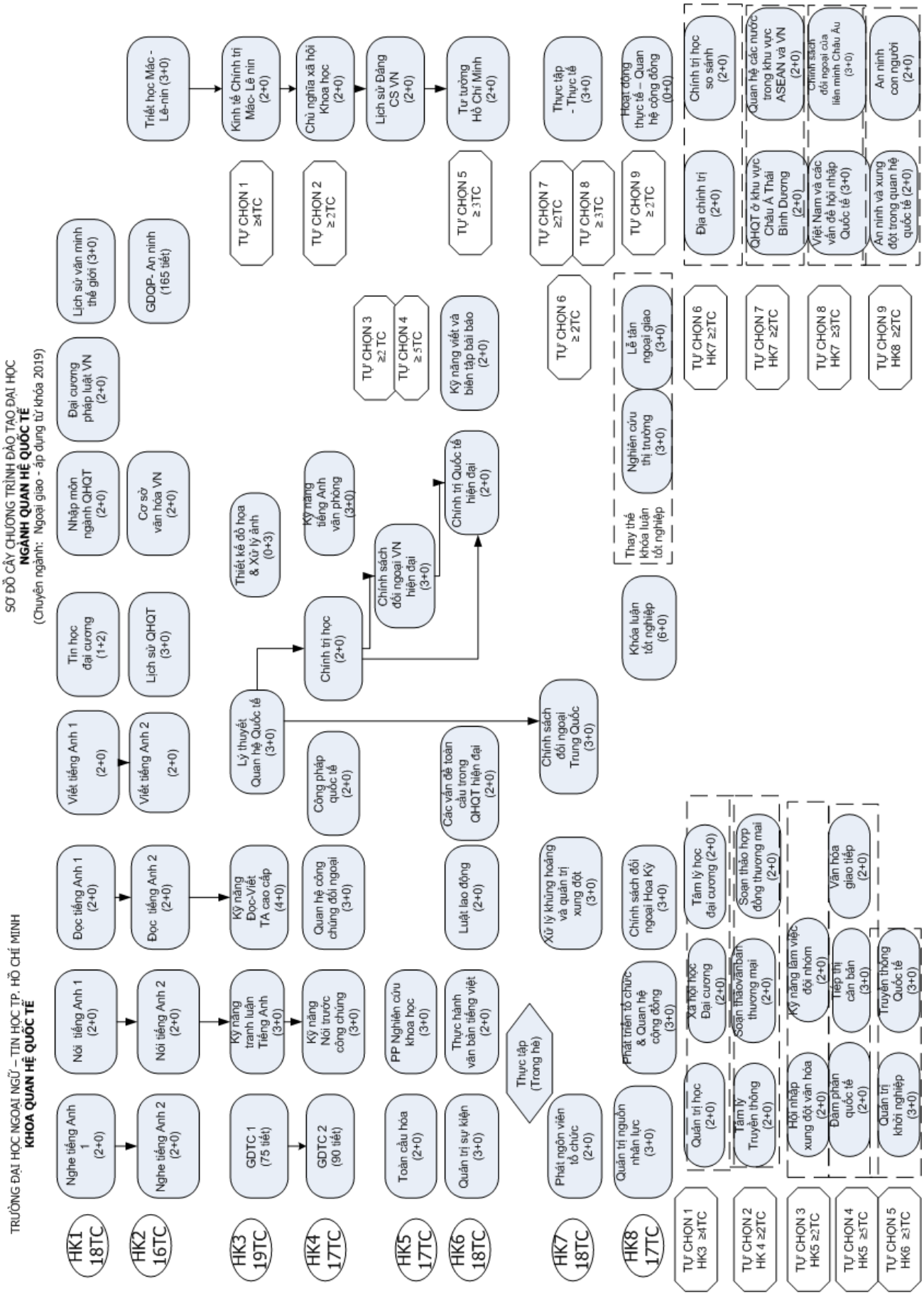

Chuyên ngành Quan hệ công chúng –Truyền thông

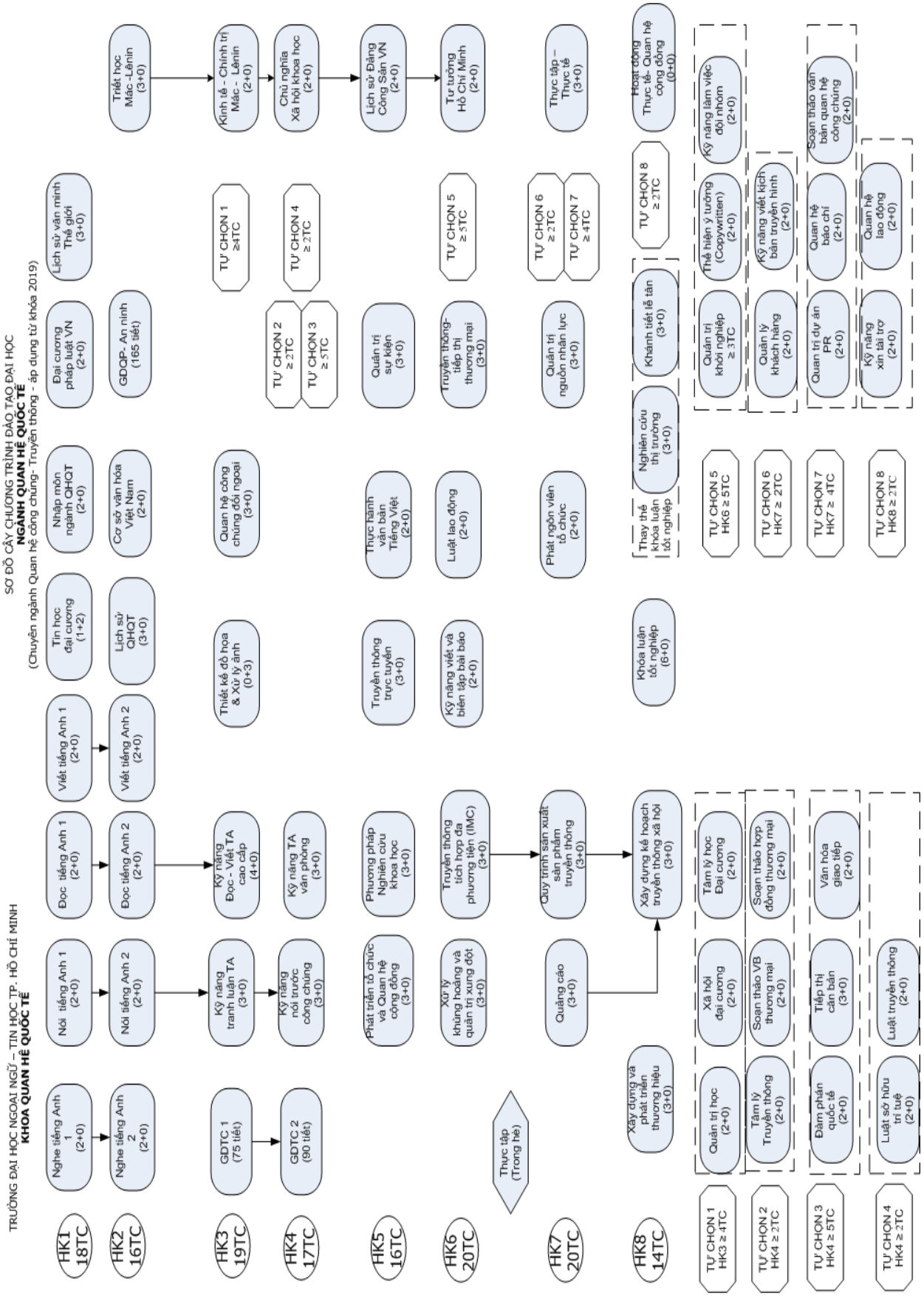

II.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	BT	TH	Tổng cộng
I (34)	**I (18)**	1010212	Nghe tiếng Anh 1	2	2		0	
		1010222	Nói Tiếng Anh 1	2	2		0	
		1010232	Đọc tiếng Anh 1	2	2		0	
		1010242	Viết tiếng Anh 1	2	2		0	
		1722153	Tin học đại cương	3				
		1710202	Nhập môn ngành Quan hệ Quốc tế	2	2		0	
		1010052	Đại cương pháp luật Việt Nam	2	2		0	
		1720083	Lịch sử văn minh thế giới	3	2		0	
	II (16)	1010252	Nghe tiếng Anh 2	2	2		0	
		1010262	Nói Tiếng Anh 2	2	2		0	
		1010272	Đọc tiếng Anh 2	2	2		0	
		1010282	Viết tiếng Anh 2	2	2		0	
		1721072	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	**3**		**0**	
		1720212	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		0	
			Triết học Mác – Lênin	3	**3**		**0**	
			Giáo dục quốc phòng – an ninh	165 tiết				

Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	BT	TH	Tổng cộng
II 36	**I 19TC**	**Môn chung:** - **Chuyên ngành Ngoại giao (NG)** - **Chuyên ngành Quan hệ Công chúng – Truyền thông (PR)**						
			GDTC 1	75 tiết				

		1710143	Kỹ năng tranh luận tiếng Anh	3				
			Kỹ năng đọc – viết Tiếng Anh cao cấp	4				
			Thiết kế đồ họa và xử lý ảnh	3				
			Kính tế chính trị Mac-Lênin	2				
		Tự chọn chung 2 chuyên ngành Chọn ít nhất 4TC						
		1010342	Quản trị học	2				
		1010022	Xã hội học đại cương	2				
		1010112	Tâm lý học đại cương	2				
		Môn bắt buộc **Chuyên ngành Ngoại giao**						
		1730053	Lý thuyết quan hệ quốc tế	3				
		Môn bắt buộc **Chuyên ngành Quan hệ công chúng - Truyền thông**						
			Quan hệ công chúng đối ngoại	3				
	II **17TC**	**Môn chung:** **Chuyên ngành Ngoại giao (NG)** **Chuyên ngành Quan hệ Công chúng – Truyền thông (PR)**						
			GDTC 2	90 tiết				
			Kỹ năng nói trước công chúng	3				
		1710223	Kỹ năng Tiếng Anh văn phòng	3				
			CHủ nghĩa xã hội khoa học	2				
		Môn tự chọn chung 2 chuyên ngành **Chọn ít nhất 2TC**						
			Tâm lý truyền thông	2				
			Soạn thảo văn bản thương mại	2				

			Soạn thảo hợp đồn thương mại	2				
		Môn bắt buộc Chuyên ngành Ngoại giao						
			Quan hệ công chúng đối ngoại	3				
		1721032	Công pháp quốc tế	2				
			Chính trị học nhập môn	2				
		Môn tự chọn 3 Chuyên ngành Quan hệ công chúng - Truyền thông Chọn ít nhất 5TC						
			Đàm phán quốc tế	2				
		1722203	Tiếp thị căn bản	3				
		1722342	Văn hóa giao tiếp	2				

Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	BT	TH	Tổng cộng
III NG 35: PR: 36	**I** NG:17TC PR: 16TC	**Môn chung:** - **Chuyên ngành Ngoại giao (NG)** - **Chuyên ngành Quan hệ Công chúng – Truyền thông (PR)**						
			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		0	
		1722103	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		0	
		Môn bắt buộc Chuyên ngành Ngoại giao						
			Toàn cầu hóa	2				
			Chính sách đối ngoại Việt Nam hiện đại	3				
		Tự chọn chuyên ngành Ngoại giao Chọn ít nhất 2TC						

			Hội nhập xung đột văn hóa	2				
			Kỹ năn làm việc đội nhóm	2				
		Tự chọn chuyên ngành Ngoại giao Chọn ít nhất 5TC						
		1722212	Đàm phán quốc tế	2				
		1722203	Tiếp thị căn bản	3				
		1722342	Văn hóa giao tiếp	2				
		Môn bắt buộc Chuyên ngành Quan hệ công chúng - Truyền thông						
			Phát triển tổ chức và quan hệ cộng đồng	3				
		1722182	Truyền thông trực tuyến	3				
		1010072	Thực hành văn bản tiếng Việt	2				
		1722062	Quản trị sự kiện	3				
	II (NG:18 PR: 20)	**Môn chung: Chuyên ngành Ngoại giao (NG) Chuyên ngành Quan hệ Công chúng – Truyền thông (PR)**						
			Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				
			Kỹ năng viết và biên tập bài báo	2				
		1010392	Luật lao động	2				
		Môn bắt buộc Chuyên ngành Ngoại giao						
		1722062	Quản trị sự kiện	3				
		1010072	Thực hành văn bản tiếng Việt	2				
		1721182	Các vấn đề toàn cầu trong QHQT hiện đại	2				
			Chính trị quốc tế hiện đại	2				

		Môn bắt buộc **Chuyên ngành Quan hệ công chúng - Truyền thông**						
			Xử lý khủng hoảng và quản trị xung đột	3				
			Truyền thông tích hợp đa phương tiện	3				
			Truyền thông- tiếp thị thương mại	3				
		Môn tự chọn chuyên ngành Ngoại giao **Chọn ít nhất 3TC**						
			Quản trị khởi nghiệp	3				
			Truyền thông quốc tế	3				
		Môn tự chọn Chuyên ngành Quan hệ công chúng – Truyền thông **Chọn ít nhất 5TC**						
			Quản trị khởi nghiệp	3				
			Thể hiện ý tưởng (Coppywritten)	2				
			Kỹ năng làm viêc đội nhóm	2				

Năm	**Học kỳ**	**Mã HP**	**Tên học phần**	**Số TC**	**LT**	**BT**	**TH**	**Tổng cộng**
		Môn chung: **Chuyên ngành Ngoại giao (NG)** **Chuyên ngành Quan hệ Công chúng – Truyền thông (PR)**						
IV **(NG: 35 PR:34)**	**I** **(NG:18 PR: 20)**		Thực tập – thực tế	3				
		1722032	Phát ngôn viên tổ chức	2				
		Môn bắt buộc **Chuyên ngành Ngoại giao**						
			Xử lý khủng hoảng và quản trị xung đột	3				
			Chính sách đối ngoại Trung Quốc	3				

	Môn bắt buộc Chuyên ngành Quan hệ công chúng –Truyền thông						
		Quảng cáo	3				
		Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông	3				
	1421103	Quản trị nguồn nhân lực	3				
	Môn tự chọn chuyên ngành Ngoại giao Chọn ít nhất 2TC						
	1721262	Địa chính trị	2				
		Chính trị học so sánh	2				
	Môn tự chọn chuyên ngành Ngoại giao Chọn ít nhất 2TC						
		Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á – TBD	2				
		Quan hệ c1c n ước ASEAN và Viêt Nam	2				
	Môn tự chọn chuyên ngành Ngoại giao Chọn ít nhất 3TC						
		Viêt Nam và các vấn đề hội nhập quốc tế	3				
		Chính sách đối ngoại Liên minh Châu Âu	3				
	Môn tự chọn Chuyên ngành Quan hệ công chúng- Truyền thông Chọn ít nhất 2TC						
		Quản lý khách hang	2				
		Kỹ năng viết kịch bản truyền hình	2				
	Môn tự chọn Chuyên ngành Quan hệ công chúng- Truyền thông Chọn ít nhất 4TC						
	1722053	Quản trị dự án PR	2				
		Quan hệ báo chí	2				

			Soạn thảo văn bản QHCC	2				
	II (NG: 17 PR: 14)	**Môn chung: - Chuyên ngành Ngoại giao (NG) - Chuyên ngành Quan hệ Công chúng – Truyền thông (PR)**						
			Hoạt động thực tế và quan hệ cộng đồng	0				
		1720046	Khóa luận tốt nghiệp	6				
		Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Ngoại giao						
		1722403	Lễ tân ngoại giao	3				
		1722393	Nghiên cứu thị trường	3				
		Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp Chuyên ngành Quan hệ công chúng - Truyền thông						
		1722393	Nghiên cứu thị trường	3				
			Khánh tiết lễ tân	3				
		Môn bắt buộc Chuyên ngành Ngoại giao						
			Quản trị n guồn nhân lực	3				
			Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ	3				
			Phát triển tổ chức và quan hệ công đồng	3				
		Môn bắt buộc Chuyên ngành Quan hệ công chúng - Truyền thông						
			Xây dựng và phát triển thương hiệu	3				
			Xây dựng kế hoạch truyền thông xã hội	3				
		Môn tự chọn Chuyên ngành Ngoại giao Chọn ít nhất 2TC						
			An ninh và xung đột trong QHQT	2				
			An ninh con người	2				

		Môn tự chọn Chuyên ngành Quan hệ công chúng - Truyền thông Chọn ít nhất 2TC						
		1722272	Quan hệ lao động	2				
		1722372	Kỹ năng xin tài trợ	2				

II.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Tên giảng viên	Ghi chú
1.		Triết học Mác – Lênin	KHOA LLCT	
2.		Kinh tế - chính trị Mác – Lênin	KHOA LLCT	
3.		Chủ nghĩa xã hội khoa học	KHOA LLCT	
4.		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	KHOA LLCT	
5.		Tư tưởng Hồ Chí Minh	KHOA LLCT	
6.	1010212	Nghe Tiếng Anh 1	Nguyễn Lý Phương Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trực Gia Cường Võ Xuân Diệu Đoàn Ngọc Điệp Cao Thị Bích Ngọc Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Vũ Ngọc Quỳnh Lý Thị Ngọc Thoa	
7.	1010222	Nói Tiếng Anh 1	Nguyễn Lý Phương Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Trực Gia Cường Võ Xuân Diệu Đoàn Ngọc Điệp Cao Thị Bích Ngọc Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng	

			Vũ Ngọc Quỳnh Lý Thị Ngọc Thoa	
8.	1010232	Đọc tiếng Anh 1	Nguyễn Lý Phương Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Trực Gia Cường Võ Xuân Diệu Đoàn Ngọc Điệp Cao Thị Bích Ngọc Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Vũ Ngọc Quỳnh Lý Thị Ngọc Thoa	
9.	1010242	Viết tiếng Anh 1	Nguyễn Lý Phương Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Trực Gia Cường Võ Xuân Diệu Đoàn Ngọc Điệp Cao Thị Bích Ngọc Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Vũ Ngọc Quỳnh Lý Thị Ngọc Thoa	
10.	1010252	Nghe Tiếng Anh 2	Nguyễn Lý Phương Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Trực Gia Cường Võ Xuân Diệu Đoàn Ngọc Điệp Cao Thị Bích Ngọc Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Vũ Ngọc Quỳnh	

			Lý Thị Ngọc Thoa	
11.	1010262	Nói Tiếng Anh 2	Nguyễn Lý Phương Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Trực Gia Cường Võ Xuân Diệu Đoàn Ngọc Điệp Cao Thị Bích Ngọc Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Vũ Ngọc Quỳnh Lý Thị Ngọc Thoa	
12.	1010272	Đọc Tiếng Anh 2	Nguyễn Lý Phương Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Trực Gia Cường Võ Xuân Diệu Đoàn Ngọc Điệp Cao Thị Bích Ngọc Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Vũ Ngọc Quỳnh Lý Thị Ngọc Thoa	
13.	1010282	Viết Tiếng Anh 2	Nguyễn Lý Phương Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Trực Gia Cường Võ Xuân Diệu Đoàn Ngọc Điệp Cao Thị Bích Ngọc Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Vũ Ngọc Quỳnh	

			Lý Thị Ngọc Thoa	
14.		Kỹ năng Đọc - Viết tiếng Anh cao cấp (Advanced English Reading - Writing Skills)	Nguyễn Lý Phương Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Trực Gia Cường Võ Xuân Diệu Đoàn Ngọc Điệp Cao Thị Bích Ngọc Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Vũ Ngọc Quỳnh Lý Thị Ngọc Thoa	
15.	1710143	Kỹ năng tranh luận Tiếng Anh (English debating skills)	Hà THị Ngọc Anh Nguyễn Lý Phương Anh Vũ Trâm Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Võ Xuân Diệu Cao Thị Bích Ngọc Thái Hoàng Hạnh NGuyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Lý Thị Ngọc Thoa	
16.		Kỹ năng nói trước công chúng (Public Speaking)	Hà THị Ngọc Anh Nguyễn Lý Phương Anh Vũ Trâm Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Võ Xuân Diệu Cao Thị Bích Ngọc Thái Hoàng Hạnh NGuyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Lý Thị Ngọc Thoa	
17.	1710223	Kỹ năng tiếng Anh văn phòng (English office skills)	Hà THị Ngọc Anh Nguyễn Lý Phương Anh	

			Vũ Trâm Anh Nguyễn Hoàng Vương Anh Trần Thị Linh Cẩm Võ Xuân Diệu Cao Thị Bích Ngọc Thái Hoàng Hạnh Nguyên Trần Thị Lan Phương Trần Mỹ Phương Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương Ngô Thanh Phượng Lý Thị Ngọc Thoa	
18.	1010052	Đại cương pháp luật Việt Nam	BỘ MÔN LUẬT	
19.	1720212	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông	
20.	1010072	Thực hành văn bản Tiếng Việt	Khoa Ngôn ngữ và văn hóa phương Đông	
21.	1722103	Phương pháp NCKH	Ngô Thị Bích Lan Nguyễn Hữu Hoàng Thi Trương Thị Lê Hồng Thái Hoàng Hạnh Nguyên Cao Thị Bích Ngọc Phạm Thị Yên Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên	
22.	1010392	Luật lao động	Bộ môn Luật	
23.	1010342	Quản trị học	Trần Tuấn Anh Thái Hoàng Hạnh Nguyên Nguyễn Trường Tứ Phạm Tấn Thông	
24.		Soạn thảo văn bản thương mại	Cao Ngọc Nương Nguyễn Hữu Hoàng Thi Nguyễn Thị Hải Yến Phạm Thị Yên Nguyễn Trường Tứ	
25.	1720102	Luật thương mại Quốc tế	Bộ môn Luật	
26.	1722153	Tin học đại cương	Khoa CNTT	
27.		Thiết kế đồ họa và xử lý ảnh	Khoa CNTT	

		(photoshop)		
28.	1710202	Nhập môn ngành Quan hệ Quốc tế	Nguyễn Hữu Hoàng Thi Trần Tuấn Anh Ngô Thị Bích Lan	
29.	1721072	Lịch sử Quan hệ quốc tế	Phạm Thị Yên Ngô Thị Bích Lan Trương Thị Lê Hồng	
30.		Quan hệ công chúng đối ngoại	Vũ Quốc Anh Phạm Tấn Thông Trương Thanh Tuyền Trần Tuấn Anh Thái Hoàng Hạnh Nguyên	
31.	1421103	Quản trị nguồn nhân lực	Nguyễn Ngọc Huân Nguyễn Quốc Hưng Phạm Công Minh	
32.	1730053	Lý thuyết quan hệ quốc tế	Trương Lê Hồng Thái Hoàng Hạnh Nguyên Cao Ngọc Nương Nguyễn Trường Tứ Phạm Thị Yên Phan Thị Hải Yến	
33.	1720083	Lịch sử văn minh thế giới	Ngô Thị Bích Lan	
34.		Chính trị học nhập môn	Trương Lê Hồng Thái Hoàng Hạnh Nguyên Cao Ngọc Nương Nguyễn Trường Tứ Lê Đình Tự Phan Thị Hải Yến Phạm Thị Yên	
35.	1010112	Tâm lý học đại cương	Vũ Quốc Anh Võ Thị Bích Hạnh	

			Trương Thị Lê Hồng Nguyễn Hữu Hoàng Thi	
36.		Xã hội đại cương	Ngô Thị Bích Lan Cao Ngọc Nương Trương Thị Lê Hồng	
37.		Chính trị Quốc tế hiện đại	Hồ Thùy Dung Trương Thị Lê Hồng Thái Hoàng Hạnh Nguyên Cao Ngọc Nương Nguyễn Trường Tứ Phan Thị Hải Yến Phạm Thị Yên	
38.		Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ	Hồ Thùy Dung Trương Thị Lê Hồng Thái Hoàng Hạnh Nguyên Phạm Thị Yên	
39.		Chính sách đối ngoại Trung Quốc	Cao Ngọc Nương Trương Thị Lê Hồng Ngô Thị Bích Lan Nguyễn Thị Hải Yến	
40.	1721032	Công pháp quốc tế	Bộ môn Luật	
41.		Toàn cầu hóa	Hồ Thùy Dung Trương Thị Lê Hồng Thái Hoàng Hạnh Nguyên Phạm Thị Yên	
42.	1721182	Các vấn đề toàn cầu trong QHQT hiện đại	Hồ Thùy Dung Thái Hoàng Hạnh Nguyên Trương Thị Lê Hồng	
43.		Chính sách đối ngoại Việt Nam hiện đại	Ngô Thị Bích Lan Nguyễn Thị Hải Yến Lê Đình Tự	

44.		Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	Nguyễn Thị Hải Yến Lê Đình Tự Thái Hoàng Hạnh Nguyên Trương Thị Lê Hồng	
45.		Chính sách đối ngoại của liên minh châu Âu	Phạm Thị Yên Thái Hoàng Hạnh Nguyên Trương Thị Lê Hồng	
46.		Quan hệ các nước ASEAN và Việt Nam	Thái Hoàng Hạnh Nguyên Trương Thị Lê Hồng Cao Ngọc Nương Nguyễn Thị Hải Yến	
47.		An ninh xung đột quốc tế	Thái Hoàng Hạnh Nguyên Trương Thị Lê Hồng Cao Ngọc Nương Ngô Thị Bích Lan Lê Đình Tự	
48.		Phát triển tổ chức và quan hệ cộng đồng	Vũ Quốc Anh Thái Hoàng Hạnh Nguyên Trần Tuấn Anh Trương Thị Lê Hồng Phạm Tấn Thông	
49.		Chính trị học so sánh	Cao Ngọc Nương Nguyễn Trường Tứ Nguyễn Thị Hải Yến	
50.	1721262	Địa chính trị	Lê Đình Tự Cao Ngọc Nương Trương Thị Lê Hồng	
51.		Soạn thảo văn bản quan hệ công chúng	Nguyễn Hữu Hoàng Thi Phạm Thị Yên Cao Ngọc Nương Nguyễn Trường Tứ	

52.		Truyền thông tích hợp đa phương tiện ICM	Vũ Quốc Anh Hà Thị Ngọc Anh Trần Tuấn Anh Nguyễn Thị Kim Phượng	
53.	1722062	Quản trị sự kiện	Vũ Quốc Anh Trần Tuấn Anh Phạm Tấn Thông	
54.		Quảng cáo	Hà Thị Ngọc Anh Trần Tuấn Anh	
55.		Xây dựng kế hoạch truyền thông xã hội	Vũ Quốc Anh Hà Thị Ngọc Anh Trần Tuấn Anh	
56.		Xử lý khủng hoảng và quản trị xung đột	Vũ Quốc Anh Trần Tuấn Anh Nguyễn Trường Tứ	
57.		Quy trình sản xuất sản phẩm truyền thông	Hà Thị Ngọc Anh Trần Tuấn Anh Bùi Bửu Hà Nguyễn Hữu Hoàng Thi	
58.		Quan hệ báo chí	Vũ Quốc Anh Lương Ngọc Dung Nguyễn Hữu Hoàng Thi Bùi Bửu Hà Nguyễn Thị Thu	
59.		Kỹ năng viết kịch bản truyền hình	Bùi Bửu Hà Lương Ngọc Dung Nguyễn Hữu Hoàng Thi Nguyễn Thị Thu Nguyễn Duy Trung	
60.		Kỹ năng viết báo và biên tập bài báo	Nguyễn Hữu Hoàng Thi Lương Ngọc Dung	

			Nguyễn Duy Trung Bùi Bửu Hà Nguyễn Thị Thu	
61.	1722203	Tiếp thị căn bản	Nguyễn Ngọc Huân Lê Thị Tuyết Phương	
62.	1722212	Đàm phán quốc tế	Vũ Quốc Anh Lương Ngọc Dung Cao Ngọc Nương Phạm Tấn Thông Trần Tuấn Anh	
63.	1722342	Văn hóa giao tiếp	Nguyễn Hữu Hoàng Thi Trương Thị Lê Hồng Nguyễn Thị Hải Yến	
64.		Quản trị khởi nghiệp	Vũ Quốc Anh Cao Ngọc Nương Thái Hoàng Hạnh Nguyên Nguyễn Hữu Hoàng Thi	
65.		Truyền thông quốc tế	Trần Tuấn Anh Hà Thị Ngọc Anh Lương Ngọc Dung Nguyễn Thịnh Khánh Nguyên	
66.	1722032	Phát ngôn viên tổ chức	Vũ Quốc Anh Trương Thị Lê Hồng Nguyễn Trường Tứ	
67.		An ninh con người	Thái Hoàng Hạnh Nguyên Cao Ngọc Nương Ngô Thị Bích Lan Nguyễn Trường Tứ Lê Đình Tự Nguyễn Thị Hải Yến	
68.		Thể hiện ý tưởng (copywriten)	Vũ Quốc Anh	

			Lương Ngọc Dung Hà Thị Ngọc Anh Trần Tuấn Anh	
69.	1722272	Quan hệ lao động	Vũ Quốc Anh Lương Ngọc Dung Lê Thị Tuyết Phương Nguyễn Trường Tứ	
70.	1722372	Kỹ năng xin tài trợ	Lương Ngọc Dung Trần Tuấn Anh Trương Thị Lê Hồng Phạm Tấn Thông	
71.	1720092	Luật sở hữu trí tuệ	Bộ môn Luật	
72.	1722393	Nghiên cứu thị trường	Phạm Tấn Thông Thái Hoàng Hạnh Nguyên Phạm Thị Yên Trương Thị Lê Hồng	
73.	1722403	Lễ tân ngoại giao	Hồ Thùy Dung Trương Thị Lê Hồng Thái Hoàng Hạnh Nguyên Cao Ngọc Nương Trần Tuấn Anh	
74.		Khánh tiết lễ tân	Vũ Quốc Anh Trần Tuấn Anh Trương Thị Lê Hồng Thái Hoàng Hạnh Nguyên Cao Ngọc Nương	

II.2.7. Mô tả các học phần:

MÔ TẢ MÔN HỌC

KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1. Pháp luật đại cương

Môn Pháp luật đại cương Việt Nam bao gồm những kiến thức cơ bản, mang tính chất đại cương về lý luận nhà nước và pháp luật và về các khoa học chuyên ngành (khoa học về các ngành luật), trong đó trọng tâm là những vấn đề về nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Xã hội học đại cương

Giới thiệu một số kiến thức cơ bản và hệ thống về đối tượng, cơ cấu, chức năng và quá trình hình thành phát triển của Xã hội học. Một số khái niệm, phạm trù của Xã hội học, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu và một số lý thuyết cơ bản của Xã hội học hiện đại. Một số lĩnh vực chuyên ngành của Xã hội học như: Xã hội học nông thôn, gia đình, đô thị, văn hóa, chính trị, tổ chức, tội phạm, pháp luật, kinh tế, lao động, nghề nghiệp…

3. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Cung cấp cho sinh viên lý luận về văn hóa đại cương, các quan điểm và phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu văn hóa nói chung và và văn hóa Việt Nam nói riêng. Thông qua các thành tố văn hóa, không gian và thời gian văn hóa, sinh viên hiểu được bản sắc văn hóa Việt Nam, đồng thời tạo cho bản thân bản lĩnh văn hóa dân tộc trong quá trình học tập và tiếp xúc với văn hóa của ngoại ngữ được học.

4. Thực hành văn bản tiếng Việt

Môn học Tiếng Việt thực hành giúp người học phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt: kỹ năng xây dựng văn bản, kỹ năng viết câu, kỹ năng dùng từ và rèn luyện kĩ năng chính tả, kỹ năng phân tích, thuật lại văn bản, chủ yếu là văn bản khoa học, gắn với hoạt động học tập và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau này khi ra trường công tác. Đồng thời, rèn kỹ năng dùng từ đặt câu, nâng cao trình độ sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp.

5. Lịch sử văn minh thế giới

Cung cấp những hiểu biết cơ bản về Lịch sử văn minh thế giới. Trong đó làm rõ đặc trưng riêng và tính phong phú, đa dạng của các nền văn minh trên thế giới; những đóng góp to lớn của nó cho sự phát triển không ngừng và thịnh vượng của xã hội loài người. Giáo dục cho sinh viên biết trân trọng, giữ gìn những di sản văn hóa, văn minh của nhân loại và dân tộc.

6. Văn hóa giao tiếp

Môn học này cung cấp những kiến thức nền tảng về kỹ năng giao tiếp, đặc biệt giao tiếp trong công sở. Kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả. Cụ thể sinh viên sẽ được học các nguyên lý giao tiếp hiệu quả, giao tiếp với khách hàng, cá nhân hoặc nhóm, các nguyên lý về kỹ năng giao tiếp và giải quyết xung đột ở nơi làm việc. Gắn liền với việc trang bị những lý thuyết này, môn học còn tổ chức thực hành rèn luyện các kĩ năng giao tiếp nhằm giúp người học hình thành và hoàn thiện các năng lực giao tiếp của bản thân trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

7. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Quan hệ quốc tế

Môn học cung cấp một khối lượng kiến thức cơ bản về các cách tiếp cận chính trong khoa học nghiên cứu QHQT (cách tiếp cận dựa trên lý thuyết QHQT và Sử học trong QHQT). Từ cơ sở đó, môn học giới thiệu các phương pháp nghiên cứu phổ biến trong ngành QHQT, bao gồm các phương pháp định lượng và định tính (ở một mức độ ít hơn) cùng với các kỹ năng cần thiết đi với các phương pháp trên. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản của việc xây dựng đề cương nghiên cứu, nhằm giúp sinh viên có thể áp dụng trong việc xây dựng đề cương cho tiểu luận, khóa luận và tranh luận về các vấn đề liên quan tới nghiên cứu khoa học

8. Tiếng Anh cơ sở:

Các học phần này củng cố và nâng cao kiến thức ngôn ngữ, rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng từ cấp độ cơ bản đến cao cấp. Sinh viên sẽ được trang bị vốn kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo một hệ thống chủ điểm gắn liền với thực tế cuộc sống như văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị,v.v. và đặc biệt là công tác đối ngoại.

Xây dựng và phát triển các kỹ năng học tập và kỹ năng tự học trong quá trình học tập của sinh viên.

Sau khi hoàn tất các học phần này, sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo trong các tình huống giao tiếp khác nhau, đồng thời có khả năng tạo ra văn bản ở các thể loại khác nhau từ đơn giản đến phức tạp, cũng như mô tả, tường thuật các sự kiện, và phát triển được các luận cứ,v.v.

9. Tiếng Anh chuyên ngành:

Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh từ trình độ trung cấp đến cao cấp giúp sinh viên có khả năng sử dụng ngoại ngữ như một công cụ làm việc phục vụ cho công tác đối ngoại. Sinh viên cần phải nghe hiểu được nội dung cơ bản của các cuộc hội đàm, thảo luận, gặp gỡ trao đổi với các đối tác

nước ngoài, giao tiếp thông thạo bằng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông thường trong môi trường làm việc hoặc các cuộc hội thảo, thảo luận về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, soạn các bài phát biểu và thuyết trình trước công chúng, đọc và hiểu chính xác nội dung các văn bản, viết báo cáo, soạn thảo được các văn bản giao dịch thông dụng.

KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGÀNH

1. Lịch sử Quan hệ quốc tế

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về quá trình vận động và phát triển của lịch sử quan hệ quốc tế, chủ yếu là quan hệ chính trị giữa các quốc gia từ sau cách mạng tư sản Anh (1640) đến cuối thế kỷ 20, cung cấp cho học sinh những nội dung chính trong trong chính sách đối ngoại của một số nước cơ bản, chủ yếu là các nước lớn.

2. Soạn thảo văn bản QHCC

Môn học đào tạo sinh viên cách viết, cách tổng hợp các loại văn bản quan hệ công chúng sử dụng trong các sự kiện, trên báo đài, đưa lên Internet, phát hành trong nội bộ doanh nghiệp. Môn học hướng dẫn sinh viên nắm vững cách thực hiện các loại văn bản PR như: Thông cáo báo chí, bài báo chuyên đề, tài liệu giới thiệu doanh nghiệp – sản phẩm, bảng khảo sát, các bài phát biểu, bản tin nội bộ, Clip giới thiệu, bài quảng bá trên trang tin nội bộ, mạng xã hội…

3. Lý thuyết Quan hệ quốc tế

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể trong quan hệ quốc tế và động lực để các chủ thể đó tham gia quan hệ quốc tế, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế…

Môn học cũng giới thiệu các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế

4. Các vấn đề toàn cầu trong QHQT hiện đại

Môn học cung cấp góc nhìn toàn diện về các vấn đề toàn cầu hiện nay trên thế giới; giới thiệu về những vấn đề toàn cầu nổi bật hiện nay trên thế giới cũng như đối với Việt Nam như môi trường, dân số, tội phạm quốc tế, năng lượng, đói nghèo. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các vấn đề toàn

cầu từ khái niệm, phân loại, quá trình hình thành và phát triển, thực trạng hiện nay, tình hình và các phương thức hợp tác quốc tế, thuận lợi và khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu. Qua đó, môn học góp phần trang bị cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế

5. Công pháp Quốc tế

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản và có hệ thống về những khái niệm, đặc điểm của chủ thể, nguồn, bản chất, vai trò và những nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế; các vấn đề về dân cư, lãnh tổ và biên giới quốc gia; Luật điều ước; Luật ngoại giao và lãnh sự; Luật biển quốc tế và Tổ chức quốc tế, Luật môi trường, trách nhiệm quốc gia và luật lệ, tập quán quốc tế về chiến tranh.

6. Đàm phán quốc tế

Cung cấp kiến thức tổng quan về kỹ năng thương lượng, đàm phán trong kinh doanh, về các giai đoạn trong quá trình thương lượng, những kỹ thuật cần có và những ví dụ giúp sinh viên hiểu và vận dụng linh hoạt trong các ngữ cảnh khác nhau. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết lẫn thực hành với những kinh nghiệm thực tiễn sinh động qua các cuộc thương lượng điển hình trong kinh doanh, từ đó sinh viên xác định ý thức rõ ràng về khả năng tự rèn luyện kỹ thuật thương lượng cho bản thân.

7. Tiếp thị căn bản

Giới thiệu tổng quan về thị trường kinh tế và vai trò của Marketing trong đời sống xã hội. Từ đó hiểu được nhu cầu của khách hàng và những phân khúc của thị phần, sự đa dạng và phong phú của hàng hóa sản phẩm; tính cạnh tranh trong thị trường, đối thủ và định vị được vị trí sản phẩm của công ty trên thị trường; những kênh phân phối và các hình thức Marketing để quảng bá thương hiệu và tăng doanh số cho doanh nghiệp; một kế hoạch Marketing hoàn chỉnh bao gồm những gì và ở môi trường quốc tế như thế nào cho phù hợp với chiến lược kinh doanh của Doanh nghiệp.

8. Phát triển tổ chức và quan hệ cộng đồng

Giới thiệu cho sinh viên các khái niệm về văn hóa tổ chức, phương pháp nhận dạng các đặc tính, cách xây dựng, duy trì, thay đổi văn hóa trong tổ chức ở các vai trò khác nhau.

9. Luật thương mại Quốc tế

Cung cấp cho sinh viên ngành Quan Hệ Quốc Tế những kiến thức cơ bản về Quy định pháp luật của WTO và pháp luật Việt Nam và quy trình xử lý liên quan đến các Hợp đồng Thương Mại Quốc Tế. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng áp dụng

những kiến thức về Luật Thương Mại Quốc Tế, chọn lọc những điều khoản quy định của pháp luật một cách phù hợp vào phân tích các vụ việc tranh chấp quốc tế.

10. Lý luận Quan hệ Quốc tế

Giới thiệu một cách khái quát về hệ thống các luận điểm và khái niệm cơ bản mang tính lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu Quan hệ Quốc tế. Đồng thời môn học cũng giới thiệu một số trường phái kinh điển trong lịch sử môn học. Qua đó, sinh viên có cái nhìn hệ thống hơn về Quan hệ Quốc tế, có thể tự đưa ra những nhận định, đánh giá của cá nhân trong nghiên cứu và dự báo về thực tiễn Quan hệ Quốc tế.

11. Chính trị Quốc tế hiện đại

Môn học cung cấp cho người học hệ thống tri thức cơ bản và toàn diện về các vấn đề của chính trị học, là một ngành khoa học nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn chính trị, mô tả và phân tích các hệ thống chính trị và các ứng xử chính trị. Trong đó xác định trung tâm của môn học là nghiên cứu về quyền lực chính trị, phương thức giành quyền lực chính trị, các thiết chế và các hình thức tổ chức thực hiện quyền lực chính trị, các kiểu hệ thống chính trị từ trong lịch sử cho đến hiện đại của thế giới.

12. Chính sách đối ngoại Mỹ

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 như đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của các nước qua từng giai đoạn, cơ chế và chiến lược ngoại giao của các nước này với các nước và khu vực.

Môn học cũng giới thiệu các chính sách đối ngoại qua từng thời kỳ, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong qua hệ đối ngoại. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu chính sách đối ngoại của các nước, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

13. Chính sách đối ngoại cường quốc Châu Á

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của một số quốc gia tiêu biểu của Châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên và các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Trên cơ sở giới thiệu khái quát những phạm trù liên quan đến Chính sách đối ngoại như: khái niệm, đặc điểm, các loại hình về chính sách đối ngoại; Cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại; Vai trò của các chủ thể trong hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại, các biện pháp và công cụ thực hiện chính sách đối ngoại. Qua đó sinh viên có thể phân tích, nhận xét, thảo luận và hiểu về các giá trị cũng như ý nghĩa

về các chính sách đối ngoại của Việt Nam nói riêng và các quốc gia Châu Á nói chung trong bối cảnh quan hệ trính trị quốc tế.

14. Toàn cầu hóa

Trang bị cho sinh viên nhận thức được bản chất của khu vực hóa và toàn cầu hóa, mặt tích cực và mặt tiêu cực của vấn đề khu vực hóa và toàn cầu hóa, vấn đề hội nhập và mở cửa. Thái độ của Việt Nam đối với các vấn đề này.

15. Chính sách đối ngoại Việt Nam hiện đại

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường lối, chính sách đối ngoại của Nhà nước CHXHCN Việt Nam từ khi thành lập nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945 đến nay; giúp sinh viên tìm hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa đối nội và đối ngoại, giữa việc phân tích đúng đắn tình hình quốc tế và việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại, biện pháp thực hiện và nghệ thuật đấu tranh ngoại giao của ta trong từng giai đoạn cụ thể; từ đó làm cho sinh viên quán triệt tư tưởng độc lập tự chủ là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình hoạt động ngoại giao của Việt Nam; nắm vững quan điểm là ngoại giao phải luôn đặt lợi ích dân tộc lên trên hết; đồng thời hiểu rõ ngoại giao vừa là nghệ thuật, vừa là môn khoa học tổng hợp.

16. Quan hệ quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế ở Châu Á -Thái Bình Dương, giúp sinh viên hiểu được bản chất và những xu hướng vận động chủ yếu của quan hệ quốc tế ở khu vực này. Đồng thời, môn học giới thiệu cơ chế an ninh khu vực thông qua một số tổ chức như ASEAN và APEC và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng an ninh và hợp tác trong khu vực.

17. An ninh – xung đột Quốc tế

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về vấn đề xung đột quốc tế như khái niệm, phân loại, cơ sở quy định và nguyên nhân, cũng như quan điểm của các lý thuyết Quan Hệ Quốc Tế khác nhau về vấn đề này.Đồng thời, giới thiệu các phương thức quản lý xung đột và các biện pháp giải quyết xung đột đang được sử dụng trong thực tế. Môn học giúp đem lại cái nhìn toàn diện và hệ thống về vấn đề xung đột và chiến tranh cũng như vấn đề quản lý và giải quyết xung đột quốc tế hiện nay trên thế giới.

18. Chính sách đối ngoại Trung Quốc

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết và kỹ năng phân tích chính sách đối chính sách đối ngoại Trung Quốc. Qua đó, sinh viên có thêm kiến thức về quan điểm, đường lối, chính sách đối ngoại của Trung Quốc với một số quốc gia trên thế giới nói chung và chính sách đối ngoại của TRung quốc với Việt Nam nói riêng.

19. CSĐN Mỹ

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại Hoa Kỳ. Môn học sẽ tập trung tìm hiểu khung phân tích, quá trình hoạch định và các giai đoạn lịch sử quan trọng của chính sách đối ngoại. Qua đó, sinh viên có thêm kiến thức về quan điểm, đường lối, chính sách đối ngoại của Hoa kỳ với một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời, sinh viên vận dụng kiến thức để phân tích một số chính sách cụ thể trong chính sách đối ngoại Hoa Kỳ với một số quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

20. QHQT trong châu Á –Thái Bình Dương

Môn học gồm các nội dung cơ bản, hệ thống và toàn diện về bản chất quan hệ quốc tế của khu vực châu Á -Thái Bình Dương như một số khái niệm về khu vực, tầm quan trọng của khu vực châu Á -Thái Bình Dương, một số lý thuyết áp dụng trong nghiên cứu quan hệ quốc tế ở khu vực này; chính sách châu Á -Thái Bình Dương của một số chủ thể là các quốc gia lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên bang Nga…; các cơ chế hợp tác đa phương về kinh tế, an ninh, văn hóa xã hội trong khu vực thông qua các tổ chức, diễn đàn… quốc tế; chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với khu vực châu Á -Thái Bình Dương.

21. An ninh con người

Môn học này sẽ giúp sinh viên nhận thức được các quyền cơ bản của con người,sự khác biệt trong các cách tiếp cận quyền con người. Sinh viên ngành QHQT sau khi hoàn tất môn học này sẽ hiểu thêm những xung đột quốc tế xuất phát từ những nguyên nhân vi phạm quyền cá nhân, từ những quyền được bảo đảm, v.v. dẫn đến tình trạng mất an ninh cộng đồng, an ninh quốc gia, an ninh khu vực và an ninh quốc tế.

22. Chính trị quốc tế (QHQT hiện đại)

Môn học cung cấp các nội dung cơ bản và mang tính hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế hiện đại. Ngoài ra, môn học cho sinh viên cái nhìn toàn diện về vấn đề chủ quyền và vai trò của tổ chức quốc tế (UN, ASEAN, APEC…) trong các sự kiện chính trị đương đại ; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; và có kiến thức về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

23. Bình luận sự kiện quốc tế

Môn học hệ thống cho sinh viên các lý thuyết trong quan hệ quốc tế, các phương pháp để phân tích và bình luận một sự kiện quốc tế. Qua cơ sở lý thuyết và phương pháo phân tích, sinh viên sẽ được thực hành kỹ năng phân tích và bình luận các sự kiện quốc tế lĩnh vực chính trị, an ninh, kinh tế…và

phân tích một số sự kiện quốc tế đương đại có sức ảnh hưởng đến Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

24. Truyền thông quốc tế

Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về truyền thông quốc tế, về lịch sử hình thành và phát triển của các loại hình, vị trí, vai trò của từng loại hình trong hệ thống truyền thông quốc tế. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ hiểu được các đặc điểm về các chủ thể, kênh, công chúng… trong hoạt động truyền thông quốc tế để có thể áp dụng vào công việc thực tế sau này.

25. Địa chính trị

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

26. Luật sở hữu trí tuệ

Luật sở hữu trí tuệ có vai trò quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, luôn thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, người làm công tác trong thực tiễn và đối tượng khác có quan tâm.

Nội dung môn học trình bày những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; những quy đinh pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền với giống cây trồng và các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời nội dung môn học còn đề cập đến các qui định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đang có giá trị áp dụng trong giai đoạn toàn cầu hóa như hiện nay.

27. Lễ tân Ngoại giao

Giúp sinh viên nắm được khái niệm cơ bản về quan hệ quốc tế và những qui định tập quán quốc tế về công tác lễ tân, đồng thời cung cấp kiến thức về các nghi thức lễ tân thực hành, công tác lễ tân cần thiết trong việc tổ chức các cuộc hội họp, thảo luận, đàm phán, ký kết văn kiện để có thể vận dụng trong công tác đối ngoại thực tiễn.

28. Dịch viết chuyên ngành

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp dịch viết và dịch nói cơ bản, từ vựng chuyên môn bao trùm nhiều chủ đề trong đời sống, học thuật, và công tác đối ngoại, giúp sinh viên sử dụng từ chính xác và đúng mục đích, rèn luyện kỹ

năng dịch viết, dịch nói, và dịch hội nghị nhằm giúp sinh viên sử dụng tốt tiếng Anh như một công cụ hỗ trợ việc làm đắc lực.

29. Quản trị nhân sự

Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực của một công ty trong môi trường kinh doanh hiện đại luôn thay đổi; giúp sinh viên những kỹ năng thực tế về phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, tuyển mộ và lựa chọn, đào tạo, phát triển sự nghiệp, đánh giá công việc, lương bổng, phúc lợi; tìm hiểu những tình huống và các cách quản trị nguồn nhân lực thực tế đang áp dụng trong các công ty hiện nay.

30. Nghiên cứu thị trường

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Nghiên cứu thị trường trên các lĩnh vực khác nhau: makerting, quản trị truyền thông – PR, văn hóa tổ chức doanh nghiệp và xã hội, nghiên cứu về giới trẻ, nghiên cứu người lao động và nghiên cứu về sự hài lòng của khách hàng. Sinh viên được yêu cầu rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc nhóm. Sau khóa học sinh viên có thể nắm vững qui trình, các phương pháp cần thiết cho việc nghiên cứu thị trường và chuẩn bị cho một bài báo cáo kết quả nghiên cứu.

31. Quan hệ công chúng đối ngoại

Nội dung môn học bao gồm các vấn đề cơ bản về: Bản chất của QHCC; Công chúng và công luận; Quan hệ công chúng và pháp luật; Tổ chức họp báo; Tổ chức sự kiện và các hoạt động PR hỗ trợ khác; Kênh truyền thông và các phương tiện thông tin đại chúng; Lập kế hoạch PR; Đánh giá hiệu quả chương trình PR;

32. Kỹ năng viết báo và biên tập bài báo

Học phần giúp sinh viên nắm bắt các thể loại báo chí sử dụng trong truyền thông trên báo in; cách thức xây dựng một chiến lược truyền thông cho một sản phẩm/dịch vụ cụ thể trên báo in; Viết được một bài PR cho một yêu cầu truyền thông cụ thể.

33. Kỹ năng viết kịch bản truyền hình

Học phần giúp sinh viên nắm bắt các khái niệm, đặc trưng cơ bản về truyền thông truyền hình; nắm bắt phương thức sản xuất một chương trình truyền hình; biết cách chuyển thể một bản tin báo in sang bản tin truyền hình; biết được các yếu tố cần thiết của một kịch bản truyền hình chuẩn và viết được một kịch bản truyền hình sử dụng cho một yêu cầu truyền thông cụ thể.

34. Xử lý khủng hoảng và quản trị xung đột

Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về các loại khủng hoảng, chủ yếu là khủng hoảng truyền thông, nắm rõ cách thức xác định khủng hoảng, phòng tránh nguy cơ khủng hoảng, quy trình xử lý khủng hoảng. Môn học cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch xử lý khủng hoảng, cách kiểm soát các phương tiện truyền thông và làm việc với giới truyền thông trong quá trình khủng hoảng nhằm vượt qua khủng hoảng.

35. Quản trị sự kiện

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về việc tổ chức một sự kiện hay hội nghị, các quy trình chung của việc quản lý và tổ chức các sự kiện và hội nghị; nghiên cứu thiết kế một sự kiện - hội nghị một cách khoa học sao cho mang lại hiệu quả cao cho chủ thể của sự kiện - hội nghị: biết cách xác định chủ đề và làm nội dung cho sự kiện; hoạch định và xử lý các tình huống phát sinh trong một sự kiện.

36. Quan hệ lao động

Môn học cung cấp cái nhìn tổng quan và giới thiệu những vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa người chủ/nhà quản trị và nhân viên trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Các chủ đề được đề cập bao gồm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, quyền và nghĩa vụ của nhân viên, công đoàn và quy trình thương lượng tập thể, quản trị khiếu nại, khiếu tố của nhân viên, các kỹ thuật giải quyết bế tắc trong xung đột giữa người chủ/nhà quản trị và nhân viên.

37. Thương hiệu và Quan hệ công chúng

Môn học sẽ trình bày những kiến thức liên quan đến việc quản trị thương hiệu, giúp cho sinh viên nắm vững các nội dung như:Vai trò của thương hiệu trong kinh doanh, khái niệm tài sản thương hiệu và những lợi ích của việc tạo lập một thương hiệu mạnh. Phương thức xây dựng và tạo lập thương hiệu, thiết kế và khuếch trương thương hiệu thông qua các chương trình marketing. Các chiến lược xây dựng thương hiệu và điều chỉnh chiến lược xây dựng thương hiệu theo thời gian.Xử lý các vấn đề thương hiệu và cách truyền thông thương hiệu.

38. Phát ngôn viên tổ chức

Trang bị cho sinh viên các kỹ năng để đảm nhiệm hiệu quả công việc của người phát ngôn chuyên nghiệp như: thu thập thông tin báo chí hàng ngày về ngành hàng của mình, tóm lược thông tin, chuẩn bị bài phát biểu trong các hội nghị, hội thảo cho giám đốc; chuẩn bị thông cáo báo chí, trả lời phỏng vấn của báo đài về sản phẩm mới, về các hoạt động của doanh nghiệp, trả lời điện thoại của phóng

viên; xây dựng và thực hiện chiến lược đối thoại với cộng đồng và khách hàng nhằm phục vụ mục tiêu của doanh nghiệp, đó là điều phải được xem là điều kiện đủ trong quá trình phát triển một thương hiệu hoàn chỉnh.

39. IMC

Truyền thông marketing là một thành phần quan trọng trong marketing mix, đang phát triển rất nhanh cùng với sự bùng nổ của các phương tiện truyền thông, Internet trong quá trình toàn cầu hóa. Môn học nhằm giúp sinh viên hiểu quy trình phát triển chương trình truyền thông marketing cho một sản phẩm hoặc một dịch vụ, kết hợp giữa 5 yếu tố: quảng cáo, khuyến mại, bán hàng trực tiếp, quan hệ công chúng (PR) và marketing trực tiếp. Các nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: Phân tích hành vi người tiêu dùng; thiết lập mục tiêu; xây dựng chiến lược, kế hoạch truyền thông marketing; tổ chức các hoạt động truyền thông marketing; đo lường, đánh giá việc thực hiện và hiệu quả chương trình truyền thông marketing.